

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 109/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 17/11/2022 và Biên bản thỏa thuận ngày 28/6/2023 về thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất bao bì carton” tại Cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạc Thủy và Công ty TNHH TPP Phú Thành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 292/TTr-STNMT ngày 21 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH TPP Phú Thành; địa chỉ tại Cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì carton” tại Cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất bao bì carton.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô NM2, cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400536404 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 09/11/2022.

- Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất bao bì carton” tại Lô NM2, cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

1.4. Mã số thuế: 5400536404.

1.5. Sản xuất bao bì carton.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện triển khai trên diện tích 14.957 m² tại Lô NM2, cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: 15.000.000 m² giấy carton/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH TPP Phú Thành được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TPP Phú Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường, giám sát vận hành thử nghiệm đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy, Giám đốc Công ty TNHH TPP Phú Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT;
- UBND huyện Lạc Thủy;
- UBND xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty TNHH TPP Phú Thành
(Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

*** Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt**

Nước thải từ nhà vệ sinh 4,095 m³/ngày đêm được thu vào hệ thống đường ống có đường kính D160 (uPVC) dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Sau khi xử lý sơ bộ, nước thải được đưa về hệ thống xử lý tập trung công suất 6 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A sau đó được tuần hoàn tái sử dụng.

*** Mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất**

Nước thải phát sinh từ công đoạn rửa khuôn mực in là 02 m³/ngày.đêm và nước thải từ công đoạn rửa khuôn keo, máy pha keo là 0,5 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải này được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Bể tự hoại: gồm 02 bể với thể tích mỗi bể là 8,75 m³
- + Bể xây gạch chi, trát láng vữa xi măng, nắp và đáy đổ bê tông đá.
- + Kích thước mỗi bể là: (dài x rộng x cao): Ngăn chứa: 1,8x1,52x1,5(m), ngăn lắng 1,72x0,9x1,5(m), ngăn lọc 1,72x0,9x1,5 (m).
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 6 m³/ngày đêm.
- + Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt thu gom từ khu nhà vệ sinh → bể tự hoại số 01, 02 → hệ thống xử lý nước thải hợp khối composite (gồm bể điều hòa → bể yếm khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng) → bể lọc → nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A → Hồ điều hòa → được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường.

+ Hạng mục của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 1. Hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước (m)	Kết cấu
1	Bể yếm khí	1,97x0,696x1,8	Bể hợp khối vật liệu composite
2	Bể thiếu khí	1,97x1,373x1,8	
3	Bể hiếu khí	1,97x1,32x1,8	
4	Bể lắng thứ cấp	1,97x0,65x1,8	
5	Bể khử trùng	1,97x0,3x1,8	

- Bể lọc cát hình trụ bằng vật liệu Composite công suất lọc 0,76 m³/h với kích thước cột lọc D=255mm, H=1390mm, vật liệu lọc gồm sỏi, cát thạch anh.

- Hồ điều hòa có dung tích chứa 670 m³, thành hồ xây gạch chỉ, trát láng vữa xi măng chống thấm; đáy hồ đổ bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250, dày 25cm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

Bảng 2. Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

TT	Loại hóa chất	Nhu cầu (kg/năm)
1	Javen (NaClO) 8%	0,9
2	Dung dịch NaOH (20%)	45

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu ngay sau khi kết thúc xây dựng dự án. Kết thúc: không quá 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung 06 m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí: Tại vị trí nước thải đầu vào (trước khi vào bể yếm khí); nước thải đầu ra (sau khi qua bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. Giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN14:2008/BTNMT cột A
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua(tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	6

	(tính theo P)		
11	Tổng Coliforms	mg/l	3000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tần suất lấy mẫu đối với nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu tại cột A, QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng và không thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải và không xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Gồm 01 nguồn thải: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải: Tương ứng với ống phóng không xả khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải: X= X:2275426; Y: 468112 (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiếu 3°).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của dự án: Công ty TNHH TPP Phú Thành tại Lô NM2, cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải: lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả khí thải liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, ($K_p = 0,9$, $K_v = 1$) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ cụ thể như sau:

Bảng 1. Giới hạn cho phép của khí thải xả ra môi trường

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột A, ($K_p = 0,9$, $K_v = 1$)	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật BVMT năm 2020 và phụ lục XXIX Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải

- Khí thải lò hơi → Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclon tách bụi → Tháp hấp thụ → khí thải sạch → quạt hút ra ống khói thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/h

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải lò hơi.

Bảng 2. Thiết bị của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Thiết bị xử lý	Kích thước	Số lượng
1	Cyclon	Chiều cao: 3,2m Đường kính thân: 0,9m	01 thiết bị
2	Quạt hút	Công suất: 11 kW Lưu lượng: 10.000 m ³ /h	01 thiết bị
3	Chụp hút	Kích thước 1.000*1.000 mm	01 thiết bị
4	Bơm phun dung dịch hấp thụ	Cánh bơm được chế tạo bằng Inox 304, P=1.5kW	01 thiết bị
5	Tháp rửa khói	Chiều cao: 6 m Đường kính thân: 1,2m	01 thiết bị
6	Bể chứa dung dịch hấp thụ và lắng cặn	Kích thước kích thước 01x01x01 (m)	01 bể
7	Ống khói thoát khí sau xử lý	Đường kính 300 mm, cao 10 m, kết cấu inox	01 ống khói

- Hóa chất, vật liệu sử dụng thể hiện tại bảng sau: Dung dịch Ca(OH)₂ sử dụng khoảng 12 kg/năm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu ngay sau khi kết thúc xây dựng dự án. Kết thúc: không quá 6 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu khí thải tại ống khói khí thải lò hơi

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm

có trong dòng bụi, khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tần suất lấy mẫu đối với khí thải tại hệ thống xử lý khí thải thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải lò hơi).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải lò hơi.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- + Nguồn số 1: Từ các phương tiện giao thông vận tải.
- + Nguồn số 2: Hoạt động của máy móc tại xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 3: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 1: Trong khuôn viên nhà máy.
- + Nguồn số 2: Trong xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 3: Trong khu vực để máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung**3.1. Tiếng ồn****Bảng 1. Giới hạn cho phép của tiếng ồn**

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Từ 6h-21h (dBA)	Từ 21h-6h (dBA)		
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:**Bảng 2. Giới hạn cho phép của độ rung**

TT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc	Ghi chú
	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB			
	Từ 6h-21h	Từ 21h-6h		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đối với tiếng ồn do giao thông:
 - + Không nổ máy xe khi nhập nguyên liệu và giao hàng.
 - + Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ; khi phương tiện ra vào Công ty phải hạn chế bóp còi.
 - + Cán bộ, công nhân viên không đi xe máy trong khu vực khuôn viên Công ty. Dừng xe, tắt máy và dắt bộ khi ra, vào nhà gửi xe.
 - + Trồng cây xanh để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải.
- Đối với tiếng ồn do hoạt động của máy móc, thiết bị:
 - + Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc để giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung.
 - + Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao,...
 - + Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...
 - + Nhà xưởng được lắp đặt hệ thống thông gió bằng các quạt hút công suất lớn ở trên tường gần mái nhằm tạo không khí thoáng mát, thuận lợi cho hoạt động sản xuất của công nhân.
 - + Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.
 - + Bố trí lao động với thời gian lao động hợp lý nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn;
 - + Định kỳ kiểm tra sức khỏe định kỳ, đặc biệt là yếu tố thính lực.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số: /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại của dự án

STT	Tên chất thải	Trạng thái		Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/tháng)
1	Nước thải vệ sinh khay mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất), máy dán keo	Lỏng	08 02 01	2.600
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	19 07 01	15
3	Dầu bôi trơn thải	Lỏng	17 02 03	9
4	Dầu máy thải	Lỏng	17 03 04	15
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	0,9
6	Bao bì cứng dính thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 03	15
Tổng				2.654,9

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Bảng 10. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường của dự án

STT	Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp giấy, thùng carton, nilon bao gói	50.000
2	Sản phẩm lỗi hỏng	260.000
3	Tro lò hơi, cặn thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải lò hơi	105.000
	Hộp mực in, photo thải không có thành phần nguy hại	3,6
4	Các chất khác (Bùn từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung)	55.226
Tổng		470.229,6

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chủ yếu là thức ăn thừa, gốc rau, vỏ củ quả, túi nilông, giấy vụn, bao gói thức ăn thừa,... có khối lượng 35 kg/ngày tương đương 10.500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 16,2m², kích thước: Dài×rộng 4,5m×3,6m.

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Tường xây bao quanh, nền đổ bê tông chống thấm, mái lợp tôn. Bên ngoài có biển cảnh báo và bình cứu hỏa, có trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng nắp đậy kín, có dán mã chất thải tương ứng và biển cảnh báo chất thải nguy hại; có bình chữa cháy cầm tay; có cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp bị rò rỉ chất thải nguy hại.

+ Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy, bao bì mềm.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà 16,2m², kích thước: Dài×rộng 4,5m×3,6m.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Tường xây bao quanh, nền đổ bê tông chống thấm, mái lợp tôn, có cửa đóng kín, đảm bảo nước mưa không chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 08 thùng chứa 100 lit tại các khu vực phát sinh rác thải sinh hoạt đảm bảo phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà 16,2m², kích thước: Dài×rộng 4,5m×3,6m.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Tường xây bao quanh, nền đổ bê tông chống thấm, mái lợp tole, có cửa đóng kín, đảm bảo nước mưa

không chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; Vận hành và bảo trì hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật; Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, dừng hoạt động sản xuất, nước thải được lưu giữ tại hệ thống, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

2. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý khí thải: Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các máy móc của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải thực hiện vận hành và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng; Vận hành và bảo trì hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất; Trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, dừng hoạt động sản xuất, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ./.